UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 602 /QĐ-LĐTBXH

Đồng Nai, ngày 21 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 của Văn phòng Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng KHTC Sở;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 của Văn phòng Sở (kèm theo biểu 49/CK-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- GĐ, PGĐ Sở;
- CBCC khối VPS;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH ĐỒNG NAI

Huỳnh Văn Tịnh

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ LAO ĐỘNG-TBXH

Biểu số 49/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NSĐP	CHIA RA	
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**101.597**	**101.597**	
I	**Chi Quản lý nhà nước**	**11.992**	**11.992**	
1	**Kinh phí thường xuyên**	**11.287**	**11.287**	
2	**Kinh phí không thường xuyên**	**705**	**705**	
II	**Chi sự nghiệp**	**89.605**	**89.605**	
1	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**	**18.351**	**18.351**	
a	Kinh phí thường xuyên	16.851	16.851	
b	Kinh phí không thường xuyên	1.500	1.500	
2	**Sự nghiệp đào tạo nghề**	**71.254**	**71.254**	
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			